

QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố Danh mục thủ tục hành chính đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Quyết định số 2128/QĐ-BNNMT ngày 16/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 207/TTr-SNNMT ngày 28/8/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính đủ điều kiện thực hiện Dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, cụ thể:

1. Danh mục thủ tục hành chính đủ điều kiện thực hiện Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: gồm 57 DVCTT toàn trình, trong đó cấp tỉnh: 56 DVCTT, cấp xã: 01 DVCTT (*phụ lục I*);

2. Danh mục thủ tục hành chính đủ điều kiện thực hiện Dịch vụ công trực tuyến một phần: gồm 152 DVCTT một phần, trong đó cấp tỉnh: 135 DVCTT và cấp xã: 17 DVCTT (*phụ lục II*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường:

a) Trên cơ sở Danh mục thủ tục hành chính đủ điều kiện thực hiện Dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần tại các Phụ lục 1 và 2 ban hành kèm theo Quyết định này, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh) thực hiện tái cấu trúc quy trình thực hiện các DVCTT trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh, Cổng dịch vụ công quốc gia đảm bảo đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia.

b) Tổ chức ứng dụng, thực hiện có hiệu quả việc cung cấp DVCTT toàn trình và một phần; hàng năm chủ động rà soát, cập nhật, bổ sung Danh mục DVCTT toàn trình và một phần đủ điều kiện theo quy định và khi có thay đổi về thủ tục hành chính.

c) Tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn cho người dân, doanh nghiệp và các đơn vị trực thuộc quản lý về việc nộp hồ sơ trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh, Cổng dịch vụ công Quốc gia; đồng thời, đề ra các giải pháp đẩy mạnh việc nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến.

d) Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Khoa học và Công nghệ) xem xét, điều chỉnh.

2. Sở Khoa học và Công nghệ:

a) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan đôn đốc, theo dõi việc triển khai thực hiện Quyết định này.

b) Tăng cường bảo đảm an toàn thông tin dữ liệu của hệ thống phần mềm một cửa và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh; theo dõi khắc phục các lỗi kỹ thuật phát sinh trong quá trình vận hành, khai thác, xử lý công việc trên hệ thống phần mềm Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định, thông suốt, an toàn, hiệu quả;

c) Hướng dẫn, hỗ trợ các cơ quan, đơn vị, địa phương hoàn thiện quy trình hoặc xây dựng lại, điều chỉnh, bổ sung quy trình điện tử trên hệ thống phần mềm để thống nhất, phù hợp, đảm bảo việc triển khai thực hiện DVCTT toàn trình và một phần trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh được thông suốt và hiệu quả; Thường xuyên phối hợp với Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tổ chức kiểm tra, rà soát đối chiếu với quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính thực hiện trên hệ thống phần mềm dịch vụ công trực tuyến của tỉnh;

d) Phối hợp, hỗ trợ các đơn vị thực hiện đồng bộ, liên thông các thủ tục hành chính cung cấp DVCTT toàn trình và một phần lên Cổng dịch vụ công quốc gia theo quy định.

e) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng, tích hợp và điều chỉnh các DVCTT toàn trình và một phần theo Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia theo Quyết định này lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh, Cổng dịch vụ công Quốc gia.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: LĐ, VXNV, PVHCC;
- Lưu: VT. NTL

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trịnh Minh Hoàng

PHỤ LỤC I

Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ủy ban nhân dân cấp xã đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1131/QĐ-UBND ngày 10/9/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính/ Dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực Khí tượng, thủy văn		
1	1.013861	Phê duyệt nội dung trao đổi thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu với tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài không thuộc điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên đối với thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu trong địa giới hành chính của tỉnh	Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
II	Lĩnh vực Tài nguyên nước		
1	1.011518	Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước.	Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
2	1.012500	Tạm dừng hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước.	Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
3	1.012505	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình cấp cho sinh hoạt đã đi vào vận hành và được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp quyền	Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
4	1.012504	Lấy ý kiến về kết quả vận hành thử nghiệm bổ sung nhân tạo nước dưới đất	Quyết định số 1029/QĐ-UBND ngày 18/4/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
5	1.012503	Lấy ý kiến về phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất	Quyết định số 1029/QĐ-UBND ngày 18/4/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
6	1.012501	Trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh

7	1.009669	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành.	Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
III	Lĩnh vực Trồng trọt		
1	1.012075	Quyết định cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng giống cây trồng được bảo hộ là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.	Quyết định số 1262/QĐ-UBND ngày 15/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
2	1.012074	Giao quyền đăng ký đối với giống cây trồng là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.	-Nhu trên-
3	1.011999	Thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.	-Nhu trên-
4	1.012004	Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng.	-Nhu trên-
5	1.012003	Cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng.	-Nhu trên-
6	1.012000	Thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.	-Nhu trên-
7	1.012001	Cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng	-Nhu trên-
8	1.012002	Cấp lại Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng	-Nhu trên-
IV	Lĩnh vực Bảo vệ thực vật		
1	1.004493	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật	Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
V	Lĩnh vực Thủy sản		
1	1.004794	Cấp phép nhập khẩu thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản để nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm	Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
2	1.004929	Cấp giấy phép nhập khẩu tàu cá	Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
3	1.003666	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (theo yêu cầu)	Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
4	1.004694	Công bố mở cảng cá loại 2	Quyết định 1275/QĐ-UBND ngày 14/05/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh

5	1.004921	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai xã trở lên)	Quyết định 2688/QĐ-UBND ngày 19/08/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh
6	1.004923	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai xã trở lên)	Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
VI	Lĩnh vực Khoa học công nghệ và môi trường		
1	1.009478	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành	Quyết định số 1505/QĐ-UBND ngày 05/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
2	1.011647	Công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng cao.	Quyết định số 1505/QĐ-UBND ngày 05/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
3	1.003618	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp tỉnh).	Quyết định số 1505/QĐ-UBND ngày 05/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
VII	Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và PTNT		
1	1.003524	Kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu	Quyết định số 1112/QĐ-UBND ngày 26/4/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
VIII	Lĩnh vực Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản		
1	2.001838	Cấp đổi Phiếu kiểm soát - thu hoạch sang Giấy chứng nhận xuất xứ cho lô nguyên liệu nhuyễn thể hai mảnh vỏ	Quyết định 1199/QĐ-UBND ngày 8/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
2	1.002996	Miễn kiểm tra giám sát cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm	Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
3	2.001726	Sửa đổi, bổ sung/cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
IX	Lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học		
1	1.004117	Cho phép đưa nguồn gen ra nước ngoài phục vụ học tập, nghiên cứu không vì mục đích thương mại	Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
2	1.008672	Cấp giấy phép khai thác mẫu vật loài nguy cấp, quý, hiếm từ tự nhiên	Quyết định số 377/QĐ-UBND ngày 22/7/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh

3	1.004160	Đăng ký tiếp cận nguồn gen	Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
4	1.004150	Cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen	Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
X	Lĩnh vực Chăn nuôi		
1	1.008122	Cấp Giấy phép nhập khẩu thức ăn chăn nuôi chưa được công bố thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
2	3.000127	Công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung sản xuất trong nước.	Như trên
3	3.000128	Công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung nhập khẩu.	Như trên
4	3.000129	Công bố lại thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung.	Như trên
5	3.000130	Thay đổi thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung.	Như trên
6	1.008124	Đăng ký kiểm tra xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu	Như trên
7	1.008125	Miễn giảm kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu	Như trên
8	1.011032	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi	Như trên
XI	Lĩnh vực Thú y		
1	1.002432	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức đăng ký (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)	Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
2	1.002373	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức đăng ký)	Như trên
3	1.004022	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y	Như trên
XII	Lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm		
1	1.012691	Quyết định thu hồi rừng đối với tổ chức tự nguyện trả lại rừng	Quyết định số 1257/QĐ-UBND ngày 15/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
2	1.012689	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức	Như trên

3	3.000152	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	Như trên
4	1.012413	Phê duyệt hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng	Như trên
5	3.000159	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu	Như trên
6	1.000045	Xác nhận bảng kê lâm sản (cấp Tỉnh)	Quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 10/7/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
7	1.000047	Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên	Như trên
8	3.000160	Phân loại doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu gỗ	Như trên
XII	Lĩnh vực đất đai		
1	1.012756	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý.	Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
2	1.012786	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất	Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
3	1.012789	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.	Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính/ Dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực Khoa học công nghệ và môi trường		
1	1.003596	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp xã).	Quyết định số 1505/QĐ-UBND ngày 05/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh

PHỤ LỤC II

Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ủy ban nhân dân cấp xã đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến một phần trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1131/QĐ-UBND ngày 10/9/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính/ Dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực Tài nguyên nước		
1	1.011516	Đăng ký khai thác sử dụng nước mặt, nước biển (cấp tỉnh)	Quyết định số 1029/QĐ-UBND ngày 18/4/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
2	1.012502	Đăng ký sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch	Như trên
3	2.001850	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mọc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện	Như trên
II	Lĩnh vực Quản lý Đô thị và Phòng, chống thiên tai		
1	1.008408	Phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Quyết định số 3283/QĐ-UBND ngày 29/11/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh
III	Lĩnh vực Thủy lợi		
1	1.003232	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định số 1204/QĐ-UBND ngày 08/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
2	1.003221	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh	Như trên
3	1.003446	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	Như trên

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính/ Dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
4	1.003440	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	Như trên
5	1.003867	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh quản lý	Như trên
6	2.001804	Phê duyệt phương án, điều chỉnh phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn UBND tỉnh quản lý	Như trên
7	2.001621	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	Như trên
IV	Lĩnh vực Khí tượng thủy văn		
1	1.000987	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn (cấp tỉnh)	Quyết định số 923/QĐ-UBND ngày 09/4/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
2	1.000970	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn (cấp tỉnh)	Như trên
3	1.000943	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn (cấp tỉnh)	Như trên
V	Lĩnh vực Trồng trọt		
1	1.008003	Cấp Quyết định, phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm nhân giống bằng phương pháp vô tính.	Quyết định số 1262/QĐ-UBND ngày 15/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
VI	Lĩnh vực Khoa học công nghệ và môi trường		
1	1.003388	Công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Quyết định 984/QĐ-UBND ngày 08/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh
2	1.003371	Công nhận lại doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Quyết định số 1505/QĐ-UBND ngày 05/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
VII	Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và PTNT		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính/ Dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
1	1.003486	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm muối nhập khẩu	Quyết định số 1112/QĐ-UBND ngày 26/4/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
2	1.003727	Công nhận làng nghề truyền thống.	Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
3	1.003712	Công nhận nghề truyền thống.	- Như trên -
4	1.003695	Công nhận làng nghề	- Như trên -
5	1.003397	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp tỉnh).	- Như trên -
VIII	Lĩnh vực Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản		
1	2.001241	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ (hoặc Phiếu kiểm soát thu hoạch) cho lô nguyên liệu nhuộm thể hai mảnh vò	Quyết định 1199/QĐ-UBND ngày 08/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
2	2.001827	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
3	2.001730	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	- Như trên -
4	1.003111	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	- Như trên -
5	1.003082	Thủ tục Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025:2007 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025:2005	- Như trên -
6	1.003058	Gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	- Như trên -
7	2.001254	Thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước	- Như trên -
8	1.002996	Miễn kiểm tra giám sát cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm	- Như trên -
IX	Lĩnh vực Môi trường		
1	1.010729	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường	Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
2	1.010728	Cấp đổi giấy phép môi trường	Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 Chủ tịch UBND tỉnh

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính/ Dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
3	1.008603	Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	Quyết định số 1852/QĐ- UBND ngày 27/6/2025 Chủ tịch UBND tỉnh
4	1.010735	Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Quyết định số 1186/QĐ- UBND ngày 06/5/2025 Chủ tịch UBND tỉnh
5	2.001767	Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản (trường hợp có phương án và báo cáo đánh giá tác động môi trường không cùng cơ quan thẩm quyền phê duyệt)	Quyết định số 932/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh
X	Lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học		
1	1.008675	Cấp giấy phép trao đổi, tặng cho mẫu vật của loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ	Quyết định số 377/QĐ-UBND ngày 22/7/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
2	1.008682	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	Quyết định số 377/QĐ-UBND ngày 22/7/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
XI	Lĩnh vực Địa chất và khoáng sản		
1	1.013325	Xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV	Quyết định số 1155/QĐ-UBND ngày 29/4/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
2	1.013324	Trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	Như trên
3	1.013322	Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	Như trên
4	1.013323	Điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	Như trên
5	1.013326	Chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV tại khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản	Như trên
6	1.013321	Cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	Như trên
7	1.004433	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt	Như trên
8	1.004434	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản	Như trên
9	1.004481	Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản	Như trên

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính/ Dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
10	1.005408	Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản	Như trên
11	2.001814	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	Như trên
12	2.001787	Phê duyệt trữ lượng khoáng sản	Như trên
13	1.004446	Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình	Như trên
14	2.001783	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản	Như trên
15	2.001814	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	Như trên
16	1.004135	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản	Như trên
17	1.004345	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản	Như trên
18	2.001781	Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Như trên
19	1.004343	Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Như trên
20	2.001777	Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Như trên
21	1.004367	Đóng cửa mỏ khoáng sản	Như trên
22	1.004132	Đăng ký khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình (đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản phẩm khai thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình đó) bao gồm cả đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch	Như trên
23	1.000778	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản	Như trên
XII	Lĩnh vực Chăn nuôi		
1	1.008126	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi	Quyết định số 1080/QĐ-UBND ngày 23/4/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
2	1.008127	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi	Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
3	1.011031	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi	Quyết định số 1878/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính/ Dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
4	1.008128	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	Quyết định số 1878/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh
5	1.008129	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với trang trại chăn nuôi quy mô lớn	Quyết định số 1878/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh
6	1.012832	Đề xuất hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công	Quyết định số 1080/QĐ-UBND ngày 23/4/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
7	1.012833	Quyết định hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công	Như trên
8	1.012834	Quyết định hỗ trợ đối với các chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	Như trên
9	1.012835	Đề nghị thanh toán kinh phí hỗ trợ đối với các chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi	Như trên
10	1.012836	Hỗ trợ chi phí về vật tư phối giống nhân tạo gia súc gồm tinh đông lạnh, Nitơ lỏng, găng tay và dụng cụ dẫn tinh để phối giống cho trâu, bò cái; chi phí về liệu tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái, công cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò)	Như trên
11	1.012837	Phê duyệt hỗ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	Như trên
XIII	Lĩnh vực Thú y		
1	1.002549	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)	Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
2	1.002338	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	Quyết định số 1080/QĐ-UBND ngày 23/4/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính/ Dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
3	1.004839	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	Như trên
4	2.000873	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	Như trên
5	2.001064	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)	Như trên
6	1.001686	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	Như trên
7	1.002409	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y	Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
8	1.013809	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)	Như trên
9	1.013813	Sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất trong trường hợp có thay đổi về địa điểm, quy mô, chủng loại, loại hình nghiên cứu, sản xuất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc-xin)	Như trên
10	1.013811	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)	Như trên
11	1.004756	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y (gồm: Sản xuất, kiểm nghiệm, khảo nghiệm, xuất khẩu, nhập khẩu thuốc thú y)	Như trên
12	1.004734	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y gồm: sản xuất, kiểm nghiệm, khảo nghiệm, xuất khẩu, nhập khẩu thuốc thú y)	Như trên
13	1.003703	Kiểm tra nhà nước về chất lượng thuốc thú y nhập khẩu	Như trên

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính/ Dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
14	1.011475	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trừ cơ sở an toàn dịch bệnh theo yêu cầu của nước nhập khẩu)	Như trên
15	1.011477	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trừ cơ sở an toàn dịch bệnh theo yêu cầu của nước nhập khẩu)	Như trên
16	1.011478	Cấp Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (trừ vùng an toàn dịch bệnh cấp tỉnh và vùng an toàn dịch bệnh phục vụ xuất khẩu)	Như trên
17	1.011479	Cấp lại Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (trừ vùng an toàn dịch bệnh cấp tỉnh và vùng an toàn dịch bệnh phục vụ xuất khẩu)	Như trên
18	2.0001262	Hỗ trợ cơ sở sản xuất bị thiệt hại do dịch bệnh động vật (cơ sở sản xuất không thuộc lực lượng vũ trang nhân dân)	Như trên
XIV	Lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm		
1	1012921	Thanh lý rừng trồng thuộc thẩm quyền quyết định của địa phương	Quyết định số 1257/QĐ-UBND ngày 15/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
2	1.012687	Phê duyệt điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	Quyết định số 1257/QĐ-UBND ngày 15/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
3	1.011470	Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nguồn vốn trồng rừng	Quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 10/7/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
4	3.000198	Công nhận, công nhận lại nguồn giống cây trồng lâm nghiệp	Quyết định số 1257/QĐ-UBND ngày 15/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
5	1.007918	Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đầu tư	Như trên
6	1.000058	Miễn, giảm tiền dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh)	Như trên

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính/ Dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
7	1.000071	Phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh	Như trên
8	1.000081	Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ hoặc rừng sản xuất thuộc địa phương quản lý	Như trên
9	1.000084	Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	Như trên
10	1.012921	Thanh lý rừng trồng thuộc thẩm quyền quyết định của địa phương	Như trên
11	1.012687	Phê duyệt điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	Như trên
12	1.012531	Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	Như trên
13	3.000198	Công nhận, công nhận lại nguồn giống cây trồng lâm nghiệp	Như trên
14	1.011470	Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nguồn vốn trồng rừng	Quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 10/7/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
15	1.007918	Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đầu tư	Quyết định số 1257/QĐ-UBND ngày 15/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
16	1.000055	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức	Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 26/7/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
17	1.000058	Miễn, giảm tiền dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh)	Quyết định số 1257/QĐ-UBND ngày 15/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
18	1.000071	Phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh	Như trên
19	1.000081	Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ hoặc rừng sản xuất thuộc địa phương quản lý	Như trên

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính/ Dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
20	1.000084	Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	Như trên
21	1.012692	Quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	Như trên
22	1.012690	Phê duyệt Phương án sử dụng rừng đối với các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng thuộc địa phương quản lý	Như trên
23	3.000501	Thâm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là tổ chức thuộc địa phương quản lý	Quyết định số 623/QĐ-UBND ngày 07/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
24		Cấp lại mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục Công ước CITES	Quyết định số 377/QĐ-UBND ngày 22/7/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
25	1.004819	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục Công ước CITES	Như trên
26	1.008672	Cấp giấy phép khai thác mẫu vật loài nguy cấp, quý, hiếm từ tự nhiên	Như trên
XV	Lĩnh vực đất đai		
1	1.012766	Xóa đăng ký thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng.	Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
2	1.012793	Đăng ký biến động đối với trường hợp thành viên của hộ gia đình hoặc cá nhân đang sử dụng đất thành lập doanh nghiệp tư nhân và sử dụng đất vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.	Như trên
3	1.012781	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất có diện tích tăng thêm do thay đổi ranh giới so với giấy chứng nhận đã cấp.	Như trên
4	1.012782	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp cá nhân, hộ gia đình đã được cấp Giấy chứng nhận một phần diện tích vào loại đất ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2024, phần diện tích còn lại của thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận.	Như trên
5	1.012783	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.	Như trên

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính/ Dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
6	1.012784	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.	Như trên
7	1.012790	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp.	Như trên
8	1.012791	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi.	Như trên
9	1.012785	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 8 năm 2024 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định.	Như trên
10	1.012787	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trong dự án bất động sản.	Như trên
11	1.012805	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	Như trên
12	1.013831	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng; bán hoặc tặng cho hoặc để thừa kế hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm.	Như trên
13	1.013833	Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc thay đổi số hiệu hoặc địa chỉ của thửa đất; thay đổi hạn chế quyền	Như trên

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính/ Dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
		sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên.	
14	1.013977	Đăng ký biến động thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức hoặc chuyển đổi mô hình tổ chức, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; điều chỉnh quy hoạch xây dựng chi tiết; cấp Giấy chứng nhận cho từng thửa đất theo quy hoạch xây dựng chi tiết cho chủ đầu tư dự án có nhu cầu.	Nhu trên
15	1.013980	Đăng ký biến động đối với trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng; quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm; bán tài sản, điều chuyển, chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai hoặc bản án, quyết định của Tòa án, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án đã được thi hành; quyết định hoặc phán quyết của Trọng tài thương mại Việt Nam về giải quyết tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại liên quan đến đất đai; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký, bao gồm cả xử lý khoản nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.	Nhu trên
16	1.013988	Xóa ghi nợ tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ trên Giấy chứng nhận đã cấp.	Nhu trên

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính/ Dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
17	1.013992	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền.	Như trên
18	1.013993	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không đúng mục đích đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014	Như trên
19	1.013994	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp chuyển nhượng dự án bất động sản có sử dụng đất.	Như trên
20	1.013995	Đăng ký tài sản gắn liền với thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận hoặc đăng ký thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở của tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật về nhà ở nội dung đã đăng ký.	Như trên

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính/ Dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và PTNT		
1	1.003434	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp xã)	Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
II	Lĩnh vực Giảm nghèo		
1	1.011609	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	Quyết định số 1170/QĐ-UBND ngày 05/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
2	3.000412	Công nhận người lao động có thu nhập thấp	- Như trên -
III	Lĩnh vực Môi trường		
1	1.010736	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường	Quyết định số 1186/QĐ- UBND ngày 06/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
IV	Lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính/ Dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
1	1.004082	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	Quyết định số 1078/QĐ-UBND ngày 23/4/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
V	Lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm		
1	1.012922	Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng	Quyết định số 377/QĐ-UBND ngày 22/7/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
2	1.012531	Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	Quyết định số 377/QĐ-UBND ngày 22/7/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
3	1.011471	Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã	Quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 10/7/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
4	1.012922	Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng	Quyết định số 1257/QĐ-UBND ngày 15/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
5	1.011471	Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã	Quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 10/7/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
6	1.012695	Quyết định thu hồi rừng đối với hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư tự nguyện trả lại rừng	Quyết định số 1257/QĐ-UBND ngày 15/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
7	3.000502	Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	Quyết định số 623/QĐ-UBND ngày 07/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
VI	Lĩnh vực đất đai		
1	1.012817	Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004.	Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
2	1.012796	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót.	Như trên
3	1.012791	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi.	Như trên
4	1.013967	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	Như trên
5	1.012756	Hòa giải tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền cấp xã.	Như trên